TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST Ngày: 21-8-2017 "V/v Ly hôn giữa chị Th và anh Th"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hạnh.
2.Ông Bùi Huy Xuân**.**

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Th, sinh năm 1991.
HKTT: Tổ 11, ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
-*Bị đơn:* Anh Trương Huy Th, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Tổ 11, ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị Th, anh Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Võ Thị Th trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì chị Th và anh Th mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 nhưng đến ngày 17 tháng 10 năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với gia đình chồng, sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị Th sinh con, không đi làm được nên kinh tế trong gia đình sống nhờ vào tiền lương từ công việc thợ hồ của anh Th. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh Th cũng hay ăn nhậu rồi về nhà kiếm cớ gây gổ, chửi bởi chị Th rất nhiều lần. Đến đầu năm 2015 vì không thể tiếp tục sống chung nên chị Th đã bỏ ra ngoài để sống và xin vào làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C tại ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai cho đến nay.

Nay, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị Th xin được ly hôn với anh Th.

Về nuôi con chung: Chị Th và anh Th có 02 người con chung là Trương Thành C, sinh ngày 21-9-2010 và Trương Thành Nh, sinh ngày 21-9-2010. Chị Th có nguyện vọng giao cháu C và cháu Nh cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng và chị Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về nuôi con chung giao cháu Trương Thành C, sinh ngày 21-9-2010 và Trương Thành Nh, sinh ngày 21-9-2010 cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng và chị Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Th không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Th và anh Th sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị Th yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Th là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh Th trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2011 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ban đầu do kinh tế gia đình khó khăn nhưng giữa vợ chồng lại không có sự cảm thông, chia sẻ nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị Th, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Th để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh Th vẫn không đến chứng tỏ anh Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Th tại địa phương nơi vợ chồng cư trú; Kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh Th là có thật, hiện chị Th và anh Th không sống chung. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Th ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn với anh Th.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh Th có 02 người con chung là Trương Thành C, sinh ngày 21-9-2010 và Trương Thành Nh, sinh ngày 21-9-2010. Xét thấy, từ khi chị Th và anh Th ly thân thì 02 cháu C và Nh đều do anh Th nuôi dưỡng và không cần đến sự chu cấp của chị Th. Tại biên bản xác minh tại Chính quyền địa phương nơi anh Th đang sinh sống thì 02 người con chung đang sống cùng anh Th. Hiện chị Th cũng có nguyện vọng giao 02 người con chung cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trương Thành C và Trương Thành Nh cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Th và anh Trương Huy Th;

2.Về nuôi con chung*:* Giao cháu Trương Thành C, sinh ngày 21-9-2010 và Trương Thành Nh, sinh ngày 21-9-2010 cho anh Trương Huy Th trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Võ Thị Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Võ Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung*:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Võ Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0003045 ngày 10 tháng 02 năm 2017; Chị Võ Thị Th đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THA Dân sự H.Châu Đức;
-UBND xã Bình Ba;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa